

Zec

Chapter 8

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

וַיְהִי דְבַר-יְהוָה צְבָאוֹת לֵאמֹר: 1
rằng đến Vạn-Quân Giê-hô-va Lời-của
[H0559](#) [H3068](#) [H1697](#) [H1961](#)

Lại có lời của Đức Giê-hô-va vạn quân phán cùng ta rằng:

כֹּה אָמַר יְהוָה צְבָאוֹת רַגְלֵי יְהוָה קָנְאוּ לְצִיּוֹן כִּי-גָדוֹלָה 2
lớn với-sự-ghen-tức vì-Si-ôn Ta-đã-ghen-tức rằng Vạn-Quân phán Giê-hô-va
[H7068](#) [H6726](#) [H7065](#) [H3068](#) [H0559](#) [H3541](#)
וְיַחְמָה גְּדוֹלָהּ לָהּ: קָנְאוּתִי לְהִיא: 2
và-với-cơn-thịnh-nộ lớn Ta-đã-ghen-tức vì-nó
[H2534](#) [H7065](#)

Đức Giê-hô-va vạn quân có phán như vầy: Ta đã nổi ghen vì Si-ôn bởi một cơn ghen lớn, ta đã nổi ghen vì nó bởi cơn tức giận lớn.

כֹּה אָמַר יְהוָה צְבָאוֹת יְרוּשָׁלַם בְּתוֹךְ וְשָׁכַנְתִּי צִיּוֹן אֶל-שְׁבִיתִי יְהוָה רַגְלֵי יְהוָה קָנְאוּ לְהִיא: 3
Giê-ru-sa-lem giữa và-Ta-sẽ-ở Si-ôn cùng Ta-đã-trở-về rằng phán Giê-hô-va
[H3389](#) [H8432](#) [H7931](#) [H6726](#) [H0413](#) [H7725](#) [H3068](#) [H0559](#) [H3541](#)
וְנִקְרָא יְרוּשָׁלַם עִיר-חַיִּים וְהָיָה יְהוָה צְבָאוֹת וְהָיָה יְהוָה צְבָאוֹת יְרוּשָׁלַם עִיר-חַיִּים 3
và-nó-sẽ-được-gọi Giê-ru-sa-lem thành-phố Giê-ru-sa-lem và-núi-của chân-thật thành-phố Giê-ru-sa-lem
[H7121](#) [H3389](#) [H3068](#) [H2022](#) [H0571](#)
וְהָיָה יְהוָה צְבָאוֹת יְרוּשָׁלַם עִיר-חַיִּים וְהָיָה יְהוָה צְבָאוֹת יְרוּשָׁלַם עִיר-חַיִּים 3
thánh sẽ-là-núi
[H6944](#) [H2022](#)

Đức Giê-hô-va phán như vầy: Ta đã xây lại cùng Si-ôn, và ta sẽ ở giữa Giê-ru-sa-lem; Giê-ru-sa-lem sẽ được gọi là thành chơn thật; núi của Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ được gọi là núi thánh.

כֹּה אָמַר יְהוָה צְבָאוֹת רַגְלֵי יְהוָה קָנְאוּ לְהִיא: 4
và-bà-già bà-già những-ông-già-ngồi sẽ-còn-có rằng Vạn-Quân phán Giê-hô-va
[H2205](#) [H2205](#) [H3427](#) [H5750](#) [H3068](#) [H0559](#) [H3541](#)
וְהָיָה יְהוָה צְבָאוֹת רַגְלֵי יְהוָה קָנְאוּ לְהִיא: 4
Giê-ru-sa-lem trong-các-đường-phố
[H3117](#) [H7230](#) [H3027](#) [H0376](#) [H3389](#) [H7339](#)

Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vầy: Sẽ còn có những ông già, bà già ở trong các đường phố Giê-ru-sa-lem, ai nấy sẽ cầm gậy nơi tay, vì cơ mình cao tuổi.

וְהָיָה יְהוָה צְבָאוֹת רַגְלֵי יְהוָה קָנְאוּ לְהִיא: 5
trong-đường-phố-nó đang-vui-chơi và-con-gái con-trai sẽ-đầy thành-phố Và-đường-phố
[H7339](#) [H7832](#) [H3207](#) [H3206](#) [H4390](#) [H7339](#)

ס

Các đường phố trong thành sẽ đầy những con trai con gái vui chơi trong đó.

הַעַם שְׂאֲרִית בְּעֵינַי יִפְּלֵא כִי צְבָאוֹת יְהוָה אָמַר כֹּה 6
 của-dân dân-sót trong-mắt điều-này-là-lạ dầu rằng Vạn-Quân phán Giê-hô-va
[H7611](#) [H6381](#) [H3068](#) [H0559](#) [H3541](#)

יְהוָה נָאם יִפְּלֵא בְּעֵינַי גַּם־ הָהֵם בְּיָמַי הַיּוֹם
 Giê-hô-va phán cũng-là-lạ-sao trong-mắt-Ta thì-cũng ấy trong-những-ngày này
[H3068](#) [H5002](#) [H6381](#) [H1571](#) [H1992](#) [H3117](#) [H2088](#)

פְּ צְבָאוֹת:
 — Vạn-Quân

Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vầy: Trong những ngày đó, dầu những sự ấy coi như lạ lùng cho mắt ta sao? Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy.

מֵאֶרֶץ עַמִּי אֶת־ מוֹשִׁיעַ הַנְּנִי צְבָאוֹת יְהוָה אָמַר כֹּה 7
 khỏi-đất dân-Ta [mục-đích] giải-cứu này-Ta-sẽ rằng Vạn-Quân phán Giê-hô-va
[H0776](#) [H0853](#) [H3467](#) [H2009](#) [H3068](#) [H0559](#) [H3541](#)

הַשָּׁמַיִם מְבוֹא וּמֵאֶרֶץ מִזְרָח
 mặt-trời-lặn phương và-khỏi-đất phương-đông
[H8121](#) [H3996](#) [H0776](#) [H4217](#)

Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vầy: Này, ta sẽ giải cứu dân ta từ phương đông phương tây,

וְאֵנִי לְעַם לִי וְהָיִיתִי וְיְרוּשָׁלַם בְּתוֹךְ וְשָׁכַנִי אִתְּם וְהִבַּאתִי 8
 và-Ta dân-Ta của-Ta và-họ-sẽ-làm Giê-ru-sa-lem giữa và-họ-sẽ-ở họ Ta-sẽ-đem
[H0589](#) [H1961](#) [H3389](#) [H8432](#) [H7931](#) [H0853](#) [H0935](#)

וּבְצַדִּיקָהּ: בְּאֵמֶת לְאֱלֹהִים לְהֵם אֶהְיֶה
 — và-sự-công-bình trong-sự-thật Đức-Chúa-Trời của-họ sẽ-làm
[H6666](#) [H0571](#) [H0430](#) [H1961](#)

và đem chúng nó đến, chúng nó sẽ ở giữa Giê-ru-sa-lem, làm dân của ta, còn ta sẽ làm Đức Chúa Trời chúng nó trong sự chơn thật và công bình.

הַשְּׁמַעִים יְדִיכֶם תְּחַזְּקֶנָה צְבָאוֹת יְהוָה אָמַר כֹּה 9
 hỡi-những-ai-nghe tay-các-người hãy-làm-mạnh rằng Vạn-Quân phán Giê-hô-va
[H8085](#) [H3027](#) [H2388](#) [H3068](#) [H0559](#) [H3541](#)

בְּיוֹם אֲשֶׁר הִנְבִּיאִים מִפִּי הָאֵלֶּה הַדְּבָרִים אֵת הָאֵלֶּה בְּיָמַי
 ngày từ các-tiên-tri từ-miệng này những-lời [mục-đích] này trong-những-ngày
[H3117](#) [H5030](#) [H6310](#) [H0428](#) [H1697](#) [H0853](#) [H0428](#) [H3117](#)

לְהַבְנוֹת: הַהֵיכָל צְבָאוֹת יְהוָה בַּיִת יוֹד
 để-được-xây đền-thờ Vạn-Quân Giê-hô-va nhà-của đặt-nền
[H1129](#) [H1964](#) [H3068](#) [H3245](#)

Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vầy: Các người là kẻ, đương những ngày này, nghe các lời ấy từ miệng các tiên tri trong ngày mà nhà Đức Giê-hô-va vạn quân, tức là đền thờ, đã được lập nền để xây lên, thì các người khá làm tay mình nên mạnh.

10 כִּי לִפְנֵי הַיָּמִים הָהֵם שָׂכַר הָאָדָם לֹא נָתַתָּה וּשְׂכָר הַבְּהֵמָה
 trước Vì những-ngày ấy công-giá người công-giá không có súc-vật và-công-giá
[H6440](#) [H3117](#) [H1992](#) [H7939](#) [H0120](#) [H3808](#) [H1961](#) [H0929](#) [H7939](#)

אֵינְנָה וְלִיּוֹצֵא וְלִבָּא אֵין-כֹּל שְׁלוֹם מִן-הַצָּר וְאֲשַׁלַּח
 cũng-không và-người-ra và-người-vào không-có không-có vì kẻ-thù và-Ta-để
[H0369](#) [H3318](#) [H0935](#) [H0369](#) [H7965](#) [H7971](#)

אֶת-כָּל-הָאָדָם אִישׁ בְּרַעְיָהוּ :
 [mục-đích] mọi người người-người-kia chống-người-kia
[H0853](#) [H3605](#) [H0120](#) [H0376](#) [H7453](#)

Vì chưng trước những ngày đó chẳng có tiền công cho người ta, cũng chẳng có tiền công cho thú vật; và vì có kẻ cừu địch, thì chẳng có sự bình an cho kẻ ra người vào; vì ta đã khiến mọi người ai này nghịch cùng kẻ lân cận mình.

11 וְעַתָּה לֹא כִי־נְחָמִים הָרֵאשִׁימִים אֲנִי לְשֹׂאֲרֵיט הָעָם
 Nhưng-nay Ta-không-còn như-những-ngày xưa như-những-ngày Ta-sẽ-đối-với dân-sót của-dân
[H6258](#) [H3808](#) [H3117](#) [H7223](#) [H0589](#) [H7611](#) [H0853](#)

הַיָּהוָה נָאם הַיָּהוָה זְבָאוֹת :
 phán này Đức Giê-hô-va Vạn-Quân Giê-hô-va
[H2088](#) [H5002](#) [H3068](#)

Nhưng bây giờ ta sẽ không đãi những kẻ sót lại của dân này như trước, Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy.

12 כִּי-זָרַע הַשְּׁלוֹם הַגֶּפֶן תִּתֵּן הַפְּרִיָה וְהָאָרֶץ תִּתֵּן אֶת-הַחֵטֶף
 Vì hạt-giống bình-an cây-nho sẽ-sinh trái-nó và-đất sẽ-sinh trái-nó [mục-đích]
[H2233](#) [H7965](#) [H1612](#) [H5414](#) [H6529](#) [H0776](#) [H5414](#) [H0853](#)

יְבוֹלְהָ וְהַשָּׁמַיִם יִתְּנוּ טֶלֶם וְהַנְּחֻלָּהי אֶת-שֹׂאֲרֵיט הָעָם הַיָּהוָה
 hoa-màu-nó và-trời sẽ-ban sương-móc và-Ta-sẽ-cho [mục-đích] dân-sót của-dân này
[H2981](#) [H8064](#) [H5414](#) [H2919](#) [H5157](#) [H0853](#) [H7611](#) [H2088](#)

אֶת-כָּל-אֲלֵהּ :
 [mục-đích] tất-cả điều-này
[H0853](#) [H3605](#) [H0428](#)

Vì ở đó sẽ có hạt giống bình an; cây nho sẽ sanh trái, và đất sẽ sanh hoa lợi, các tầng trời sẽ sa móc xuống, ta sẽ làm cho những kẻ sót lại của dân này được hưởng mọi sự đó.

13 וְהָיָה כְּאֲשֶׁר הָיִיתִם קָלְלָה לְבָנוֹת בֵּית יְהוּדָה
 Và-sẽ-xảy-ra như các-người-đã-là các-người-đã-là lời-nguyên-rủa các-người-đã-là
[H1961](#) [H1961](#) [H1961](#) [H7045](#) [H3063](#)

וּבֵית יִשְׂרָאֵל כֵּן אֲשֶׁר יִשְׁעֵי אֲתָכֶם וְהָיִיתִם בְּרַכָּה
 Y-sơ-ra-ên thì-cũng-vậy Ta-sẽ-giải-cứu các-người và-các-người-sẽ-là các-người-phước-lành
[H3478](#) [H3467](#) [H0853](#) [H1961](#) [H1293](#)

אֶל-תִּירָאוּ תְחַזְקֵנָה יְדֵיכֶם :
 đừng sợ hãy-làm-mạnh tay-các-người
[H0408](#) [H3372](#) [H2388](#) [H3027](#)

Hỡi nhà Giu-đa và nhà Y-sơ-ra-ên! sẽ xảy ra như các người đã làm sự rủa sả trong các nước thể nào, thì ta sẽ cứu các người, và các người sẽ làm sự chúc phước thể ấy. Các người chớ sợ hãi, song hãy làm cho tay mình nên mạnh!

לְכֹם לְהַרְעֵ לְמַמְתִּי כַּאֲשֶׁר צָבָאתָ יְהוָה אָמַרְתָּ כֹּה וְכִי 14
 cho-các-người giáng-họa Ta-đã-định như rằng Vạn-Quân phán Giê-hô-va Vì
[H2161](#) [H3068](#) [H0559](#) [H3541](#)

: וְלֹא וְצָבָאתָ יְהוָה אָמַרְתָּ אֲנִי אֲבִיתֶכֶם בְּהַקְצִיף
 đối-ý và-Ta-không Vạn-Quân Giê-hô-va phán Ta các-người-chọc-giận khi-tổ-phụ
[H5162](#) [H3808](#) [H3068](#) [H0559](#) [H0853](#) [H0001](#) [H7107](#)

Vi Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: Như ta đã toan giáng tai vạ cho các người, khi tổ phụ các người chọc giận ta, và ta không ăn năn, Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy,

יְרוּשָׁלַם אֶת-לְהִיטִיב הָאֵלֶּה בְּיָמַי זְמַמְתִּי שָׁבַתִּי כֵן 15
 Giê-ru-sa-lem [mục-đích] làm-ơn này trong-những-ngày định Ta-lại thì-cũng-vậy
[H3389](#) [H0853](#) [H3190](#) [H0428](#) [H3117](#) [H2161](#) [H7725](#)

: תִּירָאוּ אֶל-יְהוָה בֵּית וְאֶת-
 sợ đấng Giu-đa nhà và
[H3372](#) [H0408](#) [H3063](#) [H0853](#)

thì ngày nay cũng vậy, ta lại đã toan làm ơn cho Giê-ru-sa-lem và cho nhà Giu-đa: các người chớ sợ chi!

אֶת-אִישׁ אִמְתָּ רַבְּרוּ תַעֲשׂוּ אֲשֶׁר הִדְבַרְתִּים אֵלֶּה 16
 với mỗi-người sự-thật hãy-nói các-người-phải-làm mà những-điều Đây-là
[H0854](#) [H0376](#) [H0571](#) [H1696](#) [H1697](#) [H0428](#)

: כְּשַׁעְרֵיכֶם שִׁפְטוּ שְׁלוֹם וּמִשְׁפָּט אִמְתָּ רַעֲהוּ
 nơi-cổng-thành hãy-xét-đoán hoà-bình và-công-lý sự-thật người-lân-cận
[H8179](#) [H8199](#) [H7965](#) [H4941](#) [H0571](#) [H7453](#)

Này là những sự các người phải làm: Ai nấy khá lấy điều thật nói cùng kẻ lân cận mình; hãy làm sự chơn thật và sự phán xét bình an trong cửa thành các người.

וּשְׁבַעְתָּ בְּלִבְכֶם תַּחֲשַׁבוּ אֶל-רַעֲהוּ רַעַת אֶת-וְאִישׁ 17
 và-lời-thề trong-lòng-mình mưu-tính chớ người-lân-cận của [mục-đích] Và-điều-ác
[H7621](#) [H3824](#) [H2803](#) [H0408](#) [H7453](#) [H0853](#) [H0376](#)

נָאִם-שָׁנְאֵתִי אֲשֶׁר אֵלֶּה כָּל-אֶת-כִּי תִאָּהָבוּ אֶל-שָׁקָר
 phán Ta-ghét là-điều điều-này tất-cả [mục-đích] vì yêu-thích chớ giả-dối
[H5002](#) [H8130](#) [H0428](#) [H3605](#) [H0853](#) [H0157](#) [H0408](#) [H8267](#)

ס : יְהוָה
 — Giê-hô-va
[H3068](#)

Chớ toan sự dữ trong lòng nghịch cùng kẻ lân cận; và chớ ưa sự thề dối, vì ấy đó là những điều mà ta ghét, Đức Giê-hô-va phán vậy.

: לְאָמַרְתִּי אֵלַי צָבָאתָ יְהוָה דְּבַר-יְהוָה 18
 rằng với-tôi đến Vạn-Quân Giê-hô-va Lời-của
[H0559](#) [H0413](#) [H3068](#) [H1697](#) [H1961](#)

Đoạn, có lời của Đức Giê-hô-va vạn quân phán cùng ta, mà rằng:

הַתְּמִישִׁי	וְצוֹם	הַרְבִּיעִי	צוֹם	צְבָאוֹת	יְהוָה	אָמַר	כֹּה
tháng-năm	và-kỳ-kiêng-ăn	tháng-tư	kỳ-kiêng-ăn	rằng	Vạn-Quân	phán	Giê-hô-va
H2549	H6685	H7243	H6685		H3068	H0559	H3541

יְהוּדָה	לְבַיִת	יְהִי	הָעֵשְׂרִי	וְצוֹם	הַשְּׁבִיעִי	וְצוֹם
Giu-đa	cho-nhà	sẽ-trở-thành	tháng-mười	và-kỳ-kiêng-ăn	tháng-bảy	và-kỳ-kiêng-ăn
H3063		H1961	H6224	H6685	H7637	H6685

פ	אַהֲבוּ:	וְהַשְׁלוֹם	וְהָאֱמֶת	טוֹבִים	וְלִמְעָרִים	וְלִשְׂמֵחָה	לְשִׁשֹּׁן
—	hãy-yêu	và-hoà-bình	và-sự-thật	tốt-lành	và-những-lễ-hội	và-mừng-rỡ	những-ngày-vui
	H0157	H7965	H0571		H4150	H8057	H8342

Đức Giê-hô-va vạn quân có phán như vầy: Sự kiêng ăn về tháng tư, sự kiêng ăn về tháng năm, sự kiêng ăn về tháng bảy, sự kiêng ăn về tháng mười sẽ làm sự vui mừng hơn hở, và ngày lễ vui chơi cho nhà Giu-đa. Vậy hãy ưa sự chơn thật và bình an.

וְיֹשְׁבֵי	עַמִּים	יָבֹאוּ	אֲשֶׁר	עַד	צְבָאוֹת	יְהוָה	אָמַר	כֹּה
và-dân-cư	các-dân	dân-tộc-đến	nhieu	sẽ-còn-có	rằng	Vạn-Quân	phán	Giê-hô-va
H3427		H0935		H5750		H3068	H0559	H3541

רְבוֹת:	עָרִים
lớn	các-thành

Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vầy: Sẽ xảy ra các dân và dân cư nhiều thành đều đến,

לְתַלּוֹת	הַלּוֹךְ	גַּלְכָּה	לְאֹמַר	אֵת	אֶל-	אֵת	יֹשְׁבֵי	וְהַלְכּוּ
để-cầu-xin	ngay	chúng-ta-hãy-đi	mà-nói	kia	thành	sẽ-đi-đến	thành-này	Và-dân-cư
	H1980	H3212	H0559	H0259	H0413	H0259	H3427	H1980

אֶלְכָּה	צְבָאוֹת	יְהוָה	אֶת-	וּלְבַקֵּשׁ	יְהוָה	פָּנַי	אֶת-
tôi-cũng-sẽ-đi	Vạn-Quân	Giê-hô-va	[mục-đích]	và-tìm-kiếm	Giê-hô-va	mặt	ơn-huệ-của
H3212		H3068	H0853	H1245	H3068	H6440	H0853

אֲנִי:	נִמְ
tôi	nữa
H0589	H1571

và dân cư thành này đi đến thành khác mà nói rằng: Chúng ta hãy đi mau, đăng nài xin ơn Đức Giê-hô-va, và tìm kiếm Đức Giê-hô-va vạn quân; ta cũng sẽ đi.

יְהוָה	אֶת-	לְבַקֵּשׁ	עֲצוּמִים	וְנֹגִים	רְבִים	עַמִּים	וְבָאוּ
Giê-hô-va	[mục-đích]	sẽ-đến-tìm-kiếm	mạnh	và-nhiều-nước	lớn	dân-tộc	Và-nhiều
H3068	H0853	H1245	H6099				H0935

—	וְיְהוָה:	פָּנַי	אֶת-	וּלְתַלּוֹת	בִּירוּשָׁלַם	צְבָאוֹת
	Giê-hô-va	mặt	ơn-huệ-của	và-cầu-xin	tại-Giê-ru-sa-lem	Vạn-Quân
	H3068	H6440	H0853		H3389	

Như vậy có nhiều dân và nhiều nước mạnh sẽ đến tìm kiếm Đức Giê-hô-va vạn quân tại Giê-ru-sa-lem, và ở đó nài xin ơn Đức Giê-hô-va.

יְחֹזְקוּ mười-người-năm-lấy H2388	אֲשֶׁר sẽ-có	הַהֵמָּה ấy H1992	בַּיָּמִים trong-những-ngày H3117	צָבָאוֹת rằng	יְהוָה Vạn-Quân H3068	אָמַר phán H0559	כֹּה Giê-hô-va H3541
אִישׁ một-người H0376	בְּכַנְף vạt-áo H3671	וְהַחֹזְקוֹ và-họ-sẽ-nắm H2388	הַגּוֹיִם các-dân-tộc	לְשׁוֹנֹת ngôn-ngữ H3956	מְכֹל trong-tất-cả H3605	אָנָּשִׁים thứ-tiếng H0376	עֲשָׂרָה từ-mọi H6235
אֱלֹהִים Đức-Chúa-Trời H0430	שָׁמְעֵנוּ chúng-tôi-nghe H8085	כִּי vì	עִמָּכֶם với-các-người	נֵלְכָה chúng-tôi-muốn-đi H3212	לְאָמֹר mà-nói H0559	יְהוּדִי Do-Thái H3064	
						ס —	עִמָּכֶם ở-cùng-các-người

Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vầy: Sẽ xảy ra trong những ngày đó, có mười người từ mọi thứ tiếng trong các nước ra, nắm chặt vạt áo của một người Giu-đa, mà nói rằng: Chúng ta sẽ đi cùng các người, vì chúng ta có nghe rằng Đức Giê-hô-va ở cùng các người.